THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2013.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương; tăng cường hiệu quả công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, liên vùng; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nội dung phối hợp khác để thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải bảo đảm bí mật quốc gia, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, hải đảo.

4. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển, hải đảo và các hoạt động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trên các vùng biển và hải đảo của Việt Nam.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn, tổ chức thực hiện chương trình sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng, tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

a) Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

b) Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

4. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển, hải đảo

a) Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý, khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường biển, hải đảo; ứng phó sự cố môi trường, thiên tai trên các vùng biển, ven biển và hải đảo của Việt Nam;

c) Theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên các vùng biển, ven biển và hải đảo của Việt Nam;

d) Quan trắc biến động, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động bờ biển.

5. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng, chống thiên tai trên các vùng biển, ven biển và hải đảo của Việt Nam;

b) Tổ chức Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển;

b) Xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường biển, hải đảo, ứng phó sự cố tràn dầu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương II
TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

Điều 5. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn, tổ chức thực hiện chương trình sau khi được phê duyệt;

b) Rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập dự kiến chương trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tham gia ý kiến đối với chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công tác rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm:

a) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

a) Đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hàng năm và dài hạn;

b) Rà soát, tổng kết và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 6. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng, hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên phạm vi cả nước;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm

a) Cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này;

b) Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về bảo tồn đa dạng sinh học biển, rừng phòng hộ; thông tin, số liệu trong lĩnh vực thủy sản; thực trạng và định hướng phát triển đê biển, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

4. Bộ Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển các khu kinh tế ven biển và các thông tin, số liệu liên quan khác theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Bộ Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu đô thị, các công trình xây dựng ven biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu du lịch, điểm du lịch biển, hải đảo; thông tin, số liệu về bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản thiên nhiên quốc gia và thế giới, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của các vùng biển, ven biển và hải đảo.

8. Bộ Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về dầu khí.

9. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cung cấp các thông tin, số liệu về vùng cấm khai thác, khu vực hạn chế hoạt động, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh.

10. Bộ Ngoại giao cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

b) Thông tin, số liệu khu vực đầm phá, bãi bồi, vùng đệm, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái vùng biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

c) Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, hải đảo;

d) Các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển;

đ) Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Chủ trì lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

c) Cung cấp các thông tin, số liệu về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

d) Thẩm định, tham gia thẩm định các chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm

a) Cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 , 9 và 10 Điều này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định các chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo thuộc lĩnh vực được giao quản lý;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do mình quản lý;

d) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do mình quản lý, thực hiện và chuyển giao về cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên sinh vật biển, hải đảo; kết quả quan trắc môi trường biển do mình thực hiện.

4. Bộ Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản di tích lịch sử văn hóa, các khu du lịch, điểm du lịch và cảnh quan sinh thái biển, hải đảo.

6. Bộ Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên vị thế phục vụ cho phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

7. Bộ Quốc phòng cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên biển, kết quả quan trắc môi trường biển do mình thực hiện; các thông tin, số liệu về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trên biển, hải đảo.

8. Bộ Ngoại giao cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về định hướng phát triển kinh tế biển, hải đảo gắn với nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; các thông tin, số liệu thống kê có liên quan khác theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Các cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo do mình thực hiện.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

a) Cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên vùng ven biển, hải đảo do mình thực hiện; thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường vùng ven biển, hải đảo;

b) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do địa phương thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì

a) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xây dựng bản đồ hiện trạng ô nhiễm môi trường biển, hải đảo trên phạm vi cả nước;

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động; xác định nguyên nhân gây ô nhiễm; xác định, khoanh vùng đệm để bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương;

c) Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển, hải đảo;

d) Tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo; xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động thích ứng với mực nước biển dâng; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và địa phương ven biển ứng phó kịp thời và khắc phục có hiệu quả các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo;

đ) Cung cấp các thông tin thu thập được từ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển, hải đảo cho các Bộ, ngành và địa phương ven biển phục vụ công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo;

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

g) Chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển thực hiện các quy định về quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

h) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình bảo vệ môi trường biển, hải đảo; việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo của cả nước.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm

a) Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình tác động môi trường, tình hình quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo của ngành, lĩnh vực theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

c) Chỉ đạo các lực lượng chuyên trách tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

d) Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai và bảo vệ môi trường biển trong phạm vi quản lý của mình và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

4. Bộ Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

5. Bộ Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu kinh tế ven biển.

7. Bộ Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu đô thị, công trình xây dựng ven biển, hải đảo.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu đối với các khu và điểm văn hóa, thể thao, du lịch biển, ven biển và hải đảo.

9. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên các vùng biển, hải đảo.

10. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường vùng ven biển.

11. Bộ Ngoại giao hỗ trợ huy động trợ giúp của quốc tế cho việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên các vùng biển, hải đảo.

12. Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, thiên tai trên biển, hải đảo; chỉ đạo theo thẩm quyền các lực lượng chuyên trách thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, thiên tai trên biển, hải đảo.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

a) Cung cấp số liệu quan trắc môi trường biển, hải đảo của địa phương;

b) Phối hợp trong việc điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định vùng biển, hải đảo bị ô nhiễm nghiêm trọng thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

d) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng với các Bộ, ngành huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó các sự cố môi trường biển, hải đảo; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai biển, hải đảo; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; về khai

thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển, hải đảo;

b) Hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương để phục vụ công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển, hải đảo;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm

a) Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, hải đảo;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các cơ quan báo chí bố trí thời lượng thông tin tuyên truyền pháp luật về tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lựa chọn các chủ đề về biển, đảo để tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật thông qua các buổi diễn thuyết, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo quê hương cho các đối tượng học sinh, sinh viên;

d) Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam có trách nhiệm bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam vào thời điểm đạt hiệu quả tuyên truyền cao;

đ) Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hưởng ứng các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo; chỉ đạo các cơ quan thông tin báo chí, các cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan báo chí địa phương bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam vào thời điểm đạt hiệu quả tuyên truyền cao;

c) Địa phương ven biển được chọn làm nơi tổ chức Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam; bố trí địa điểm, tham gia đóng góp nguồn lực tổ chức sự kiện và bảo đảm an ninh, an toàn trật tự trong thời gian diễn ra Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

Điều 10. Hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế để quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển, hải đảo; thăm dò tài nguyên, phát triển khoa học công nghệ biển; phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển, hải đảo;

b) Tổng hợp các hoạt động hợp tác quốc tế về biển, hải đảo để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế về biển, hải đảo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định sau đây:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và sản xuất muối biển; phát triển và bảo vệ hệ thống rừng ngập mặn, các công trình đê, kè biển và nhu cầu đầu tư xây dựng khác;

b) Bộ Giao thông vận tải báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng hải;

c) Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí;

d) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản biển, hoạt động du lịch biển và các lĩnh vực khác có liên quan;

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong phát triển các khu kinh tế ven biển;

e) Bộ Xây dựng có trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển, quy hoạch phát triển các đô thị ven biển, hải đảo;

g) Các cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo do mình thực hiện.

3. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tăng cường hỗ trợ quảng bá, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, lực lượng trực thuộc thực hiện phối hợp những nội dung có liên quan được quy định tại Quy chế này.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ phối hợp quy định tại Quy chế này.

3. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cử cơ quan đầu mối phối hợp và gửi thông báo về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam).

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy chế này./.